

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PǺH
TỈNH GIA LAI**

-----&-----

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 19/3/2019

V/v: “Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----&-----

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH - TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Tàu và ông Trịnh Văn Nguyên.
- *Thư ký phiên tòa:* bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* ông Lương Minh Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST - DS, ngày 23/4/2018 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST - DS, ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1963

Bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn I, thị trấn I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.

Ông Nguyễn Ngọc Th ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh L tham gia tố tụng (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn 1, xã I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn 1, xã I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc Th có đăng ký hộ kinh doanh bán buôn phân bón và thuốc bảo vệ thực vật các loại. Từ năm 2012 ông Trần Văn S có mua phân bón của vợ chồng bà, khi mua phân bón hai bên thỏa thuận, ông bà sẽ cho ông S nợ lại tiền phân bón, khi đến mùa thu hoạch cà phê thì ông S sẽ trả nợ. Sau đó ông S không trả nợ, đến

ngày 17/8/2017 ông S còn nợ số tiền là 67.800.000 đồng, hai bên thỏa thuận ông S sẽ trả hết số tiền trên vào ngày 17/9/2017. Đến thời hạn ông bà đã hỏi rất nhiều lần nhưng ông S không trả. Vì vậy, ông bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả lại số tiền còn nợ mua phân bón là 67.800.000 đồng.

Về lãi suất: tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông S phải trả cho bà số tiền lãi 08 tháng với lãi suất 1% với số tiền là 542.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà xin thay đổi lại yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông S phải trả tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền theo quy định pháp luật từ ngày 18/9/2017 đến ngày 18/4/2018, bà xin giảm số tiền lãi xuống 01 tháng vì tại đơn khởi kiện bà tính nhầm số tháng và số tiền.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì thêm.

- *Đối với bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ch:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc nêu ý kiến đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông S bà Ch không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản để trình bày quan điểm ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ch tham gia phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán số tiền mua bán phân bón, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà không tranh chấp về hợp đồng mua bán nên

Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: tại giấy nhận nợ thể hiện ông Trần Văn S có ký xác nhận còn nợ bà L số tiền 67.800.000 đồng. Như vậy việc nhận nợ là có thật. Khi đến thời hạn trả tiền ông Th bà L đã yêu cầu ông S trả nhiều lần, nhưng ông S không trả. Do đó nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn là ông S phải trả số tiền còn nợ 67.800.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông S bà Ch không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến cũng như các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông S bà Ch đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với vụ án và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại giấy nhận nợ thể hiện Trần Văn S có vợ là bà Vũ Thị Ch có nợ bà L số tiền 67.800.000 đồng, tuy nhiên việc nợ tiền này là tiền mua bán phân bón, do đó Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn trong vụ án là ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Minh L. Còn bà Vũ Thị Ch tại giấy nhận nợ có ghi tên bà Vũ Thị Ch nhưng khi viết giấy nhận nợ nguyên đơn bà L thừa nhận không có mặt bà Ch, bà Ch không ký vào giấy nhận nợ, bà L cho rằng việc nhận nợ này bà Ch có biết, tuy nhiên không có ai làm chứng, do đó không có căn cứ gì cho rằng đây là nợ chung của ông S bà Ch. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông S phải trả số tiền còn nợ là 67.800.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Minh L.

Về lãi suất: tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông S phải trả cho bà số tiền lãi 08 tháng với lãi suất 1% với số tiền là 542.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà xin thay đổi lại yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông S phải trả tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền theo quy định pháp luật từ ngày 18/9/2017 đến ngày 18/4/2018, bà xin giảm số tiền lãi xuống 01 tháng vì tại đơn khởi kiện bà tính nhầm số tháng và tính nhầm số tiền. Xét, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi phát sinh do chậm trả tiền là 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng.

Khoản tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: Từ ngày 18/9/2017 đến ngày 18/4/2018 là 07 tháng, số nợ gốc bị đơn phải trả là 67.800.000đ, nên số tiền lãi phải trả là $67.800.000đ \times 0,833\% / 30 \text{ ngày} \times 210 \text{ ngày} = 3.953.500đ$.

Tổng cộng nợ gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $67.800.000đ + 3.953.500đ = 71.753.500 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí, lệ phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Lệ phí thủ tục đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú là: 2.894.000đ, bà L tự nguyện chịu (đã nộp xong) nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; 149; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 430; 440 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Minh L. Buộc ông Trần Văn S phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Minh L số tiền là: 71.753.500đ (*bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.587.700đ (*ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm đồng*). Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Minh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.695.000đ (*một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002456, ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

